

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ ALOMORA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ DỊCH VỤ ALOMORA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ALOMORA TECHNOLOGY AND SERVICES JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ALOMORA TECHNOLOGY.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109931624

3. Ngày thành lập: 16/03/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 8 - 12A tòa nhà Tasco Building, Số 158 đường Nguyễn Khánh Toàn, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0941508337

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này; Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: Thang máy, thang cuốn, Cửa cuốn, cửa tự động, Dây dẫn chống sét, Hệ thống hút bụi, Hệ thống âm thanh, Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc, Thử độ ẩm và các công việc thử nước, Chống ẩm các toà nhà, Chôn chân trụ, Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, Uốn thép, Xây gạch và đặt đá, Lợp mái bao phủ toà nhà; Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá huỷ các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng, Dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp, Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao; Các công việc dưới bề mặt; Xây dựng bể bơi ngoài trời; Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài toà nhà; Thuê cần trục có người điều khiển; Hoạt động xây dựng khác, cụ thể: Khảo sát xây dựng, Lập thiết kế quy hoạch xây dựng, Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng, Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng, Thi công xây dựng công trình, Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, Kiểm định xây dựng, Quản lý chi phí đầu tư xây dựng	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động đấu giá)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530
10.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4541
11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
14.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại Nhà nước cấm)	4620
15.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
16.	Bán buôn thực phẩm (Trừ loại Nhà nước cấm)	4632
17.	Bán buôn đồ uống (Trừ loại Nhà nước cấm)	4633
18.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

19.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn đồ lưu niệm; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn đèn và bộ đèn điện; Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	4649
20.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (Trừ loại Nhà nước cấm)	4651
21.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (Trừ loại Nhà nước cấm)	4652
22.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
23.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt, may; Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.	4659
24.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Trừ hoạt động đầu giá)	4661
25.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ hoạt động bán buôn vàng miếng)	4662
26.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn	4663
27.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hoá chất công nghiệp: Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...; Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Bán buôn cao su	4669
28.	Trồng cây hàng năm khác Chi tiết: Trồng cây gia vị hàng năm; Trồng cây dược liệu, hương liệu hàng năm; Trồng cây hàng năm khác còn lại	0119
29.	Trồng cây ăn quả	0121
30.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
31.	Khai thác và thu gom than cứng (Chỉ hoạt động khi được nhà nước cho phép)	0510

32.	Khai thác và thu gom than non (Chỉ hoạt động khi được nhà nước cho phép)	0520
33.	Khai thác dầu thô (Chỉ hoạt động khi được nhà nước cho phép)	0610
34.	Khai thác khí đốt tự nhiên (Chỉ hoạt động khi được nhà nước cho phép)	0620
35.	Khai thác quặng sắt (Chỉ hoạt động khi được nhà nước cho phép)	0710
36.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hoạt động hợp báo)	8230
37.	Dịch vụ đóng gói (Loại trừ hoạt động đóng gói thuốc bảo vệ thực vật)	8292
38.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá; Đại diện cho thương nhân; Ủy thác mua bán hàng hóa; Nhượng quyền thương mại	8299
39.	Giáo dục nhà trẻ	8511
40.	Giáo dục mẫu giáo	8512
41.	Giáo dục tiểu học	8521
42.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
43.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
44.	Đào tạo sơ cấp	8531
45.	Đào tạo trung cấp	8532
46.	Đào tạo cao đẳng	8533
47.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
48.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
49.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Đào tạo thường xuyên; Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng	8559
50.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Tư vấn giáo dục; Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục; Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục; Dịch vụ kiểm tra giáo dục; Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên.	8560
51.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề (Chỉ hoạt động khi được nhà nước cho phép)	9321
52.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
53.	Lập trình máy vi tính (Trừ hoạt động mà nhà nước cấm)	6201
54.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính (Trừ hoạt động tư vấn pháp luật, kế toán, tài chính)	6202

55.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm (Trừ hoạt động nhà nước cấm); Hoạt động công nghiệp phần cứng; Hoạt động công nghiệp phần mềm Hoạt động công nghiệp nội dung	6209
56.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan Chi tiết: Xử lý dữ liệu hoàn chỉnh cho khách hàng như: nhập tin, làm sạch dữ liệu, tổng hợp dữ liệu, tạo báo cáo, từ dữ liệu do khách hàng cung cấp; Hoạt động cung cấp và cho thuê hạ tầng thông tin như: cho thuê tên miền internet, cho thuê trang Web....; Các hoạt động cung cấp dịch vụ liên quan khác như: chia sẻ thời gian thực cho các thiết bị công nghệ thông tin (máy chủ, máy tính cá nhân, thiết bị di động,..) cho khách hàng. (Trừ hoạt động nhà nước cấm)	6311
57.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
58.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí	6399
59.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư (Trừ hoạt động tư vấn Luật, Kế toán, Kiểm toán, Tài chính)	6619
60.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
61.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản	6820
62.	Hoạt động tư vấn quản lý (Trừ hoạt động tư vấn Luật, Kế toán, Kiểm toán, Tài chính)	7020
63.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Hoạt động kiến trúc; Hoạt động đo đạc và bản đồ	7110
64.	Quảng cáo Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ quảng cáo; Phát hành quảng cáo; Tiếp nhận quảng cáo	7310
65.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)	7320
66.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Dịch vụ thiết kế đồ thị; Hoạt động trang trí nội thất; Các hoạt động trang trí của người thiết kế bên trong các toà nhà; Trang trí nội thất.	7410
67.	Cho thuê xe có động cơ (Chỉ hoạt động khi được nhà nước cho phép)	7710

68.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
69.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket); Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác.	4719
70.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
71.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
72.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (Chỉ hoạt động khi được nhà nước cho phép)	0722
73.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
74.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón (Chỉ hoạt động khi được nhà nước cho phép)	0891
75.	Khai thác và thu gom than bùn (Chỉ hoạt động khi được nhà nước cho phép)	0892
76.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên (Chỉ hoạt động khi được nhà nước cho phép)	0910
77.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác Chi tiết: Hoạt động cung cấp dịch vụ hỗ trợ trên cơ sở phí hoặc hợp đồng cho hoạt động khai thác thuộc ngành 05, 07 và 08; Hoạt động cung cấp dịch vụ thăm dò theo phương pháp truyền thống và lấy mẫu quặng, thực hiện các quan sát địa chất tại khu vực có tiềm năng; Hoạt động cung cấp dịch vụ bơm và tháo nước trên cơ sở phí hoặc hợp đồng; Hoạt động cung cấp dịch vụ khoan thử và đào thử	0990
78.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
79.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
80.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
81.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
82.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
83.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
84.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
85.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
86.	Sản xuất đường	1072
87.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
88.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
89.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
90.	Sản xuất chè	1076
91.	Sản xuất cà phê	1077
92.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
93.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (Chỉ hoạt động khi được nhà nước cho phép)	1101

94.	Sản xuất rượu vang (Chỉ hoạt động khi được nhà nước cho phép)	1102
95.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia (Chỉ hoạt động khi được nhà nước cho phép)	1103
96.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
97.	Sản xuất sản phẩm thuốc lá (Chỉ hoạt động khi được nhà nước cho phép)	1200
98.	Sản xuất sợi	1311
99.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
100.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
101.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
102.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
103.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
104.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
105.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
106.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
107.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
108.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm gỗ khác nhau, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
109.	Sao chép bản ghi các loại (Chỉ hoạt động khi được nhà nước cho phép)	1820
110.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
111.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
112.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
113.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
114.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ	4789
115.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: Website thương mại điện tử bán hàng; Dịch vụ sản giao dịch thương mại điện	4791
116.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
117.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
118.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi	4931

119.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
120.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
121.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa	5022
122.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
123.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
124.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	5223
125.	Bốc xếp hàng hóa	5224
126.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
127.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Gửi hàng; Giao nhận hàng hóa; Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển hoặc đường không; Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn; Đại lý làm thủ tục hải quan; Kinh doanh dịch vụ logistics; Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; Hoạt động liên quan khác như: Bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa	5229
128.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
129.	Cơ sở lưu trú khác Chi tiết: Chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều quán, trại dùng để nghỉ tạm; Ký túc xá học sinh, sinh viên; Dịch vụ lưu trú du lịch	5590
130.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5610
131.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5621
132.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể; Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống; Cung cấp suất ăn theo hợp đồng.	5629
133.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Trừ loại Nhà nước cấm)	5630
134.	Xuất bản phần mềm (Trừ loại Nhà nước cấm)	5820(Chính)
135.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Hoạt động của các điểm truy cập Internet	6190

136.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển	7730
137.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
138.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
139.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
140.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
141.	Sản xuất điện (Chỉ hoạt động khi được nhà nước cho phép)	3511
142.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
143.	Thoát nước và xử lý nước thải (Chỉ hoạt động khi được nhà nước cho phép)	3700
144.	Thu gom rác thải không độc hại (Chỉ hoạt động khi được nhà nước cho phép)	3811
145.	Thu gom rác thải độc hại (Chỉ hoạt động khi được nhà nước cho phép)	3812
146.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại (Chỉ hoạt động khi được nhà nước cho phép)	3821
147.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại (Chỉ hoạt động khi được nhà nước cho phép)	3822
148.	Tái chế phế liệu	3830
149.	Xây dựng nhà để ở	4101
150.	Xây dựng nhà không để ở	4102
151.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
152.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
153.	Xây dựng công trình điện	4221
154.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
155.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
156.	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: Xây dựng công trình xử lý bùn; Xây dựng các công trình công ích khác chưa được phân vào đâu	4229
157.	Xây dựng công trình thủy	4291
158.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
159.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
160.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời; Chia tách đất với cải tạo đất (ví dụ: đắp, mở rộng đường, cơ sở hạ tầng công...).	4299
161.	Phá dỡ	4311

162.	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này; Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: Thang máy, thang cuốn, Cửa cuốn, cửa tự động, Dây dẫn chống sét, Hệ thống hút bụi, Hệ thống âm thanh, Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.	4312
163.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
164.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ loại Nhà nước cấm)	4741
165.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ loại Nhà nước cấm)	4742
166.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
167.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim; Bán lẻ sơn, màu, véc ni; Bán lẻ kính xây dựng; Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác; Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh; Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, cụ thể: Bán lẻ ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác, Bán lẻ thiết bị lắp đặt vệ sinh: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su...	4752
168.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
169.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ nhạc cụ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ dùng gia đình khác còn lại chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh, cụ thể: Bán lẻ đồ dùng gia đình khác bằng gỗ, song mây, tre, cói đan; Bán lẻ dao, kéo, dụng cụ cắt gọt, đồ dùng nhà bếp; Bán lẻ thiết bị hệ thống an toàn như thiết bị khoá, kết sắt... không đi kèm dịch vụ lắp đặt hoặc bảo dưỡng	4759
170.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ loại Nhà nước cấm)	4761

171.	Bán lẻ bằng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ loại Nhà nước cấm)	4762
172.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
173.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ loại Nhà nước cấm)	4764
174.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
175.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Chỉ hoạt động khi được nhà nước cho phép)	4772

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 1.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN LÊ SƠN TRANG	Căn hộ Citisoho, đường 35 CL, Phường Cát Lái, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	90.000	900.000.000	9,000	N2043569	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	150.000	1.500.000.000	15,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	240.000	2.400.000.000	24,000		

2	ĐẶNG VĂN THÀNH HUY	Xã 6, Thị Trấn Nghèn, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	36.000	360.000.000	3,600	184206896
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	54.000	540.000.000	5,400	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	90.000	900.000.000	9,000	
3	NGUYỄN HUY HOÀNG	02 – A6B Nghĩa Tân, số 120 đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	230.000	2.300.000.000	23,000	0010890092 09
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	100.000	1.000.000.000	10,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	330.000	3.300.000.000	33,000	
4	ĐINH HỒ NHO THÔNG	D15.3A, Chung cư Jamila Khang Điền, Phường Phú Hữu, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	140.000	1.400.000.000	14,000	184129055
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	200.000	2.000.000.000	20,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	340.000	3.400.000.000	34,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐINH HỒ NHO THÔNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 19/02/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 184129055

Ngày cấp: 12/05/2015

Nơi cấp: Công an tỉnh Hà Tĩnh

Địa chỉ thường trú: Số 19 đường Nguyễn Trãi, Thị trấn Phố Châu, Huyện Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: D15.3A, Chung cư Jamila Khang Điền, Phường Phú Hữu, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội